

Bản án số: 11/2020/HNGĐST

Ngày: 10/8/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi  
con chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU, TỈNH PHÚ YÊN**

***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Tân Nghĩa
2. Ông Trần Hồng Phong

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu tham gia phiên tòa:***  
Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình, thụ lý số 63/2020/TLST–HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, về Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

\* ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị Thanh A, sinh năm 1993; địa chỉ: khu phố Mỹ T, phường Xuân T, thị xã C, tỉnh Phú Yên. Có mặt

\* ***Bị đơn:*** Anh Võ Văn B, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp L, xã Long P, thị xã Long M, tỉnh Hậu Giang. Vắng mặt có đơn xin Tòa án thị xã Sông Cầu giải quyết và xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại phiên hòa giải ngày 22/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh A trình bày:*

Về hôn nhân: chị A và anh Võ Văn B tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Xuân T, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2013 ngày 16 tháng 4 năm 2013. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên phát sinh mâu thuẫn, chị

A và anh B không sống chung với nhau từ năm 2016 đến nay. Nay chị A cảm thấy tình cảm thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn B.

Về con chung: chị A xác định có 01 (một) người con chung tên Võ Thành Q, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012 hiện đang sống cùng chị A. Ly hôn, chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Tại đơn xin xác nhận đề ngày 20/9/2019, bị đơn anh Võ Văn B trình bày:* vợ anh B là chị Nguyễn Thị Thanh A có gửi đơn xin ly hôn đến Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, để yêu cầu ly hôn anh. Nhưng vì điều kiện khó khăn anh B không có điều kiện đến Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án được. Do đó, anh B xin được vắng mặt trong qua trình Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giải quyết vụ án. Các nội dung vấn đề ly hôn, con chung, tài sản chị A đã trình bày trong đơn giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/7/2020, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A, giao cháu Võ Thành Q, sinh ngày 26 tháng 6 năm 2012 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có, đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:*

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thanh A xin ly hôn anh Võ Văn B và yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 33 BLTTDS, anh B cư trú tại: Ấp L, xã Long P, thị xã Long M, tỉnh Hậu Giang; tuy nhiên, tại đơn xin xác nhận đề ngày 20/9/2019 anh B đồng ý để Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị A, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Võ Văn B có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Võ Văn B theo khoản 1 Điều 227 của BLTTDS.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và anh Võ Văn B sống chung với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 34/2013 ngày 16/4/2013 của Ủy ban nhân dân phường Xuân T, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh A và anh Võ Văn B là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp nên chị A và anh B phát sinh mâu thuẫn, chị A và anh B không còn qua lại chăm sóc gì cho nhau từ năm 2016 đến nay, đều đó cho thấy tình cảm giữa chị A và anh B thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh A là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh A yêu cầu được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Võ Thành Q, sinh ngày 28 tháng 6 năm 2012, việc chị A yêu cầu nuôi con anh B đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật và tại biên bản ghi lời khai ngày 22/7/2020 cháu Quân có nguyện vọng được ở với chị A để chị A chăm sóc nuôi dưỡng nên giao cháu Võ Thành Q cho chị A tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Việc chị A không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh A xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh A phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh A với anh Võ Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thành Q, sinh ngày 26 tháng 8 năm 2012 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Võ Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Võ Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài chung và nợ chung: Chị A xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; a, khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Thanh A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị A đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2019 0004867 ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Chị A đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh A có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn anh Võ Văn B vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Phú Yên (1);
- VKSND thị xã Sông Cầu (2);
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu (1);
- UBND P. Xuân Thành, Tx. Sông Cầu (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu Hồ sơ vụ án (1);
- Lưu Án văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Minh Hoàng**





